

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ BDS THIÊN PHÚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ BDS THIÊN PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BDS THIEN PHUC INVESTMENT  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BDS THIEN PHUC CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110613841

**3. Ngày thành lập:** 25/01/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 18, ngõ 22 Đại Mạch, thôn Mai Châu, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố  
Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983106668

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                        | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                               | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                               | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                          | 4390        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết<br>+ Đại lý bán hàng hóa<br>+ Môi giới mua bán hàng hóa;                                                                      | 4610        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết<br>+ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659        |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết<br>+ Bán buôn quặng kim loại<br>+ Bán buôn sắt, thép                                                                         | 4662        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                      | 4663        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                            | 4669        |
| 10. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>+ Kinh doanh bất động sản                                              | 6810(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>+ Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>+ Dịch vụ môi giới bất động sản<br>+ Dịch vụ quản lý bất động sản | 6820 |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết<br>+ Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>+ Hoạt động trang trí nội thất.                                                                          | 7410 |
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                    | 4101 |
| 14. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                              | 4102 |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                        | 4211 |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                         | 4212 |
| 17. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                             | 4221 |
| 18. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                  | 4222 |
| 19. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                   | 4223 |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                    | 4229 |
| 21. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                             | 4291 |
| 22. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                      | 4292 |
| 23. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                | 4293 |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                           | 4299 |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                               | 4311 |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm hoạt động rà phá, nổ bom, mìn)                                                                                                                   | 4312 |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                | 4321 |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ YẾN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/03/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001158040261

Ngày cấp: 08/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 50, ngõ 183 Phúc Tân, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 12A tầng 25 T4 Times City, số 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ YẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/03/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001158040261

Ngày cấp: 08/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 50, ngõ 183 Phúc Tân, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 12A tầng 25 T4 Times City, số 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội